TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC** Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST Ngày 28-5-2019 "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Văn T	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lâm
2. Ông Đặng Quang Vọng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Lợi– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1991 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn Z, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố A, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Văn T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước vào ngày 05/8/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng là ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị T tại khu phố A, phường T được 06 tháng thì ra ngoài thuê trọ sống riêng. Quá trình chung sống không được hạnh phúc, do anh T không quan T đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi, có khi đi vài ngày, ba tháng, có khi đi cả năm mới trở về, mỗi lần bỏ đi anh T không nhắn tin hay liên lạc với vợ con. Tháng 6 năm 2017, chị T ôm con về nhà mẹ ruột ở đến khoảng tháng 02 năm 2018 thì nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết, hòa giải, anh T hứa sửa đổi nên chị rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên về chung sống được một thời gian thì anh T vẫn chứng nào tật nấy, đến tháng 12 năm 2018 anh T tiếp tục bỏ nhà đi cho đến nay. Đầu năm 2019, chị T trả nhà trọ, đem con về ở cùng mẹ ruột chị cho đến nay. Nay xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Quá trình chung sống, chị T và anh T có một người con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/6/2015. Nguyện vọng của chị T khi ly hôn được quyền trực tiếp nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/ tháng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 06/3/2019 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T và chị T có tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau. Đối với các yêu cầu khởi kiện của chị T, anh T đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T, xin trực tiếp nuôi con và xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

-Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Phương T khởi kiện yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại: Khu phố A, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy đinh tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[2] Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước vào ngày 05/8/2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Bị đơn trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do không hợp nhau và đồng ý ly hôn. Mặt khác, bị đơn biết nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia các buổi làm việc cũng như hòa giải, từ đó có thể thấy bị đơn không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung: Chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi; anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Chị T trình bày hiện chị đang làm nhân viên kiểm tra mẫu của công ty TNHH NEW APPAREL FAR EASTERN – khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, thu nhập trung bình 5.600.000đ (bao gồm lương cơ bản và các khoản phụ cấp). Đồng thời trong thời gian qua, chị T vẫn đảm bảo tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng và các quyền, lợi ích hợp pháp cho con chung. Do đó, nên

cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị T; giao con chung cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị T rút yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không rõ nơi ở, công việc và thu nhập. Xét việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh T thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2.Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/6/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006270 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 28/5/2019; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THA DS TX P.Long;
- UBND P. T;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt